

Số: 120/2023/QĐST-HNGĐ

Đông Hưng, ngày 24 tháng 7 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/7/2023, về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

-Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn TQ, xã ĐV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

2. Anh Đặng Đình H, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn TQ, xã ĐV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị C và anh Đặng Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 01/01/1990, tại UBND xã ĐV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị C trình bày: Năm 2014 chị C đi xuất khẩu lao động đến năm 2020 thì chị C về nước, trong thời gian tôi đi xuất khẩu lao động hai vợ chồng không tin tưởng nhau tình cảm và kinh tế. Năm 2020 khi tôi về nước thì tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường xuyên cãi nhau, từ năm 2020 vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn tình cảm. Vợ, chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Anh H trình bày: Vợ, chồng mâu thuẫn do từ năm 2014 chị C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian chị C đi lao động không quan tâm hỏi han và không gửi tiền về cho anh H, mà chỉ gửi tiền ăn học cho con, đến năm 2020 chị C về nước vợ chồng có những xung đột về kinh tế, tình cảm, thường xuyên cãi nhau, thiếu tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bản tính anh H nóng tính, nếu cứ ở với nhau sinh ra cãi nhau, anh H nóng tính không kiềm chế được sẽ phát sinh ra các chuyện không hay khác.

Xét thấy vợ chồng chị C và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nay chị C và anh H đều tự nguyện thuận tình ly hôn. Do đó, Toà án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị C và anh H.

[2] Về quan hệ con chung:

Chị C và anh H xác nhận vợ chồng có hai con chung là Đặng Tiến T, sinh ngày 26/12/1991 và Đặng Tiến N sinh ngày 18/8/1994. Hai con chung đã trưởng thành tự lập về kinh tế. Anh H và chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản, công sức:

Chị C và anh H tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí:

Chị C và anh H thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Đặng Đình H

+ Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Về quan hệ tài sản, công sức:

Chị C và anh H tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về lệ phí Tòa án:

Chị C và anh H mỗi người chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị C và anh đã nộp tạm ứng lệ phí

(biên lai số 0003286 ngày 14/7/2023) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng sang thi hành phân lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Đông Hưng.
- VKSND tỉnh Thái Bình.
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng.
- UBND xã Đông Vinh.
- Lưu HS-VP

THẨM PHÁN

Bùi Tiến Hưng